TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TINH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảnán số: 27/2020/DS-ST
Ngày 26-5-2020
V/v " Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà M Tấn

2.Bà Trần Thị Năm

-***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Đòi lại tài tài sản vàng, tiền", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn:*** ông Võ Văn M, sinh năm 1970

bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp Cả Đá, xã TT, huyện MH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phan Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp Gò Nôi, xã NH, huyện T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019).

2.***Bị đơn*****:** ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Kênh Bích, xã TN, huyện T, tỉnh Long An.

*3.**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

1.Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Kênh Bích, xã TN, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2.Anh Võ Tấn T, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Cả Đá, xã TT, huyện MH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Tấn T: ông Phan Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp Gò Nôi, xã NH, huyện T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2020).

Người làm chứng: ông Nguyễn Văn H, sinh năm.Địa chỉ: ấp Kênh Bích, xã TN, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Kh, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông M, bà Kh là ông Phan Văn C trình bày: Ông M, bà Kh thống nhất với ông Nguyễn Văn Th ngày 21/10/2019 âm lịch nhằm ngày 17/11/2019 tiến hành lễ hỏi chị Nguyễn Thị Ch là con gái ông Th cho anh Võ Tấn T con trai bà Kh, trong lễ hỏi bà Kh có cho chị Ch 1sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kra, 1 chiếc lắc 03 chỉ 24kra, 1 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra và 1 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24kra, ngoài ra phụ tiền trà nước 2.000.000đồng và 5.000.000đồng tiền nạp tài. Bà Kh và ông Th thống nhất đám cưới ngày mùng 05, 06/11/2019 âm lịch, bên nhà gái đưa dâu qua 50 người. Sau đó bà Kh điện thoại báo ông Th do nhà cửa chật hẹp nên cho nhà gái qua 20 hoặc 30 người thì nhà gái nói nhà trai nói tới nói lui nên hủy đám cưới. Nay yêu cầu ông Th và chị Ch trả lại 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24kra và 5.000.000đồng tiền nạp tài.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Vợ chồng ông M, bà Kh đến nhà hỏi cưới con gái ông là Nguyễn Thị Ch vì đã có thai với con trai của ông, bà là Võ Tấn T, ông đồng ý và tiến hành lễ hỏi như bà Kh, ông M trình bày, tại lễ hỏi hai bên gia đình bàn bạc thống nhất ngày rước dâu bên nhà gái sang 50 người thì bên nhà trai thống nhất. Sau đó bà Kh về nhà có điện thoại qua báo lại là cho nhà gái chỉ sang 20 người, nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và nhà trai đòi hủy hôn. Về số tài sản 9,5 chỉ vàng 24kra và số tiền 5.000.000đồng nạp tài bên nhà trai có cho nhưng số tài sản này chị Ch nhận và sử dụng, nên ông Th không đồng ý trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ch tại bản tự khai và biên bản hòa giải có trình bày:

Về tài sản 9,5 chỉ vàng 24kra và 5.000.000đồng bên gia đình anh T cho vào lễ hỏi ngày 21/10/2019 âm lịch và hai bên cha mẹ thống nhất ngày đám cưới như bà Kh trình bày, nhưng sau đó cha mẹ của anh T điện thoại qua gia đình chị đòi hủy hôn nhân. Trong lúc này chị mang thai bị té ngã dẫn đến hư thai nên chị phải bán số vàng gia đình anh T cho để điều trị bệnh và bồi dưỡng sức khỏe, vì vậy số vàng không còn. Còn về số tiền 5.000.000đồng cha mẹ anh T cho chị đã mua sắm quần áo và mền mùng chuẩn bị cho ngày cưới nên không còn. Nay chị Ch không đồng ý theo yêu cầu của ông M, bà Kh.

- Anh Võ Tấn T trình bày: Anh và chị Ch quen nhau khoảng hai năm và chung sống khoảng ba tháng chị Ch có thai nên anh về báo gia đình. Đến ngày 21/10/2019 âm lịch cha mẹ anh đến nhà ông Nguyễn Văn Th là cha của chị Ch tiến hành lễ hỏi và có cho 01 số tài sản như bà Kh trình bày, hai bên gia đình thống nhất ngày đám cưới, bên gia đình chị Ch xin đưa dâu khoảng 50 người, nhưng vì nhà cửa chật hẹp nên mẹ anh có điện thoại qua nhà chị Ch gặp Bác Tư nói không đồng ý làm như lời hứa và có lời nói nặng nhẹ gia đình anh, gia đình anh cố nhịn để đến gia đình ông Th, chị Ch bàn bạc lại thì xảy ra mâu thuẫn, từ đó không tiến đến hôn nhân. Nay anh yêu cầu ông Th và chị Ch trả lại 8,5 chỉ vàng 24kra và 5.000.000đồng cho cha mẹ anh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

1.1Tranh chấp "Đòi lại tài sản là vàng, tiền" giữa ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Kh với ông Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Ch là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*:

2.1Tại phiên tòa ông C (người đại diện) trình bày ngày 21/10/2019 âm lịch vợ chồng ông M, bà Kh đến nhà ông Th tổ chức lễ hỏi và xin cưới chị Ch cho anh T, tại lễ hỏi gia đình bà Kh cho chị Ch 01 số tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc lắc 3 chỉ vàng 24kra, 01 đôi bông 1 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 24kra và 5.000.000đồng tiền nạp tài và thống nhất với nhau mùng 05, 06/11/2019 âm lịch đám cưới, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất số người đưa dâu sang nhà trai, nên đám cưới không Th, nay yêu cầu ông Th, chị Ch trả lại số 8,5 chỉ vàng 24kra và 5.000.000đồng tiền nạp tài. Ông Th trình bày trong lễ hỏi họ hàng hai họ thống nhất ngày cưới và thỏa thuận với nhau nhà gái đưa dâu sang nhà trai 50 người, nhưng bà Kh điện thoại qua nói cho qua 20 người nên ông không đồng ý thì bà Kh xin hủy hôn và đòi lại tài sản. C về số tài sản đúng như ông C trình bày mà trong lễ hỏi cho chị Ch giữ và sử dụng, nên ông Th không đồng ý trả.

Phía chị Ch tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày chị và anh T có quan hệ tình cảm đã có thai mới nói anh T về báo gia đình. Khi tiến hành lễ hỏi cha mẹ anh T có cho chị số tài sản: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24kra, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 24kra và 5.000.000đồng. Nhưng do chị bị té thai yếu nên đã hư thai không dưỡng được phải bán hết số tài sản này để điều trị và bồi dưỡng sức khỏe, C số tiền 5.000.000đồng gia đình anh T cho chị mua sắm quần áo, mền mùng đến nay không C. Riêng anh T thì sau khi chị Ch có thai ngoài ý muốn anh có báo cha mẹ và gia đình đến nhà ông Th xin hỏi cưới chị Ch được gia đình chị Ch đồng ý. Ngày lễ hỏi bên nhà gái nói đến ngày cưới đưa dâu sang 50 người nhưng do nhà của chật hẹp nên mẹ anh xin khoảng 20 đến 30 người thì gặp Bác Tư của chị Ch không đồng ý và làm khó gia đình anh, từ đó hôn nhân không tiến hành được, nên anh yêu cầu trả lại số tài sản này cho cha mẹ anh.

Xét thấy anh T và chị Ch có quen biết và phát sinh tình cảm dẫn đến chị Ch có thai, việc này anh T có báo với cha mẹ ông M, bà Kh đồng ý và liên hệ với ông Th là cha chị Ch bàn bạc tiến đến hôn nhân cho hai bên. Trong lễ hỏi tức ngày 21/10/2019 âm lịch giữa hai bên họ hàng nhà trai và nhà gái thống nhất với nhau lễ cưới được tiến hành ngày mùng 05,06/11/2019 âm lịch và ngày cưới bên nhà gái đưa dâu sang 50 người bên nhà trai đồng ý. Nhưng sau lễ hỏi bà Kh điện thoại sang nhà gái báo ông Th là đưa dâu khoảng 20 đến 30 người vì nhà cửa chật hẹp, từ đó hai bên gia đình bà Kh và ông Th xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc anh Tài và chị Ch không tiến đến hôn nhân.

Tại phiên tòa ông M, bà Kh trình bày phía bên gia đình ông Th làm khó cho gia đình bà vì bà có sang nhiều lần để bàn bạc lại việc đưa dâu qua nhà trai và khẳng định ngày đám cưới nhưng chị, em của ông Th nói ông Th và chị Ch đi đám cưới xa và không chịu ra mặt bàn bạc lại. C ông Th trình bày do bên nhà trai ông M, bà Kh đồng ý cho nhà gái đến ngày cưới qua 50 người nhưng không giữ đúng lời hứa mà điện thoại sang chỉ cho qua 20 người và C nói tới nói lui là lỗi bên nhà trai. Tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2020 Tòa án ra cung cấp chứng cứ để chứng minh lời trình bày của các bên đương sự, nhưng bà Kh và ông M không chứng minh được cho nhà gái đưa dâu qua bao nhiêu người, cũng như phía ông Th thì không chứng minh là nhà trai ông M, bà Kh không cho nhà gái đưa dâu qua 50 người. C ông Nguyễn Văn H trưởng ấp Kênh Bích, xã TN, huyện T xác nhận ngày 05/12/2019 bà Nguyễn Thị Kh, bà Võ Thị Th, cháu Võ Tấn T cùng trưởng, phó ấp Kênh Bích, xã TN có đến nhà ông Nguyễn Văn Th để thương lượng việc hôn nhân của cháu T và Ch. Xét thấy, việc xác nhận của ông H cho thấy gia đình của ông M, bà Kh có đến nhà ông Th để bàn bạc lại việc đám cưới và số người đưa dâu, nhưng bên gia đình ông Th không bằng lòng bàn bạc vì trong ngày lễ hỏi hai bên đã thống nhất ngày đám cưới và số lượng người đưa dâu qua nhà trai, cho thấy gia đình ông Th không có thiện chí là có phần lỗi trong việc hôn nhân của anh T và chị

Ch.

Còn ông M cha anh T tại phiên tòa trình bày sau khi trình lễ hỏi và thống nhất ngày cưới, ông có nói nhà gái đưa dâu qua mà bao nhiêu người cũng được. Và bà Kh tại phiên tòa thừa nhận sau khi nghe chị Ch không còn giữ được thai do bị hư thai thì gia đình bà không muốn cưới chị Ch cho anh T. Như vậy cho thấy gia đình bà Kh không muốn tiến đến hôn nhân, cho nên bà Kh cũng có lỗi. Ngoài ra bà Kh và ông Th thừa nhận khi bà Kh qua nhà ông Th thì hai bên gia đình có đến gặp cha vợ của ông Th hỏi ý kiến thì cha vợ ông Th có nói để hai đứa nhỏ có thời gian đến với nhau tức đi đến hôn nhân nhưng gia đình bà Kh và gia đình ông Th không chịu lắng nghe ý kiến để ngồi lại bàn bạc, thống nhất với nhau cụ thể nhà gái đưa dâu qua bao nhiêu người để bên gia đình bà Kh sắp xếp việc tiếp đãi cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của gia đình bên nhà trai. Ngược lại ông M, bà Kh và ông Th không làm điều này để dẫn đến hậu quả anh T và chị Ch không tiến đến hôn nhân như đã dự định là hoàn toàn do lỗi của hai bên gia đình bà Kh và gia đình ông Th.

Về phần tài sản là vàng (nữ trang) gồm: 1 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kra, 1 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24kra, 1 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra và 1 chiếc nhẫn 5 phân vàng 24kra, tại phiên ông Th thừa nhận trong ngày lễ hỏi bên gia đình bà Kh có cho số vàng trên nhưng số tài sản này chị Ch nhận tại ngày lễ hỏi và bà Kh cũng thừa nhận việc này. Về phía chị Ch tại bản tự khai và biên bản hòa giải đều thừa nhận có nhận số tài sàn này, nhưng chị Ch đã bán tài sản này để điều trị bệnh và bồi dưỡng sức khỏe khi bị hư thai. Tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2020 Tòa án cung cấp chứng cứ lời trình bày của các bên đương sự, cũng như công khai chứng cứ, chị Ch không đưa ra chứng cứ hay giấy tờ gì chứng M cho chị có đi điều trị bệnh do bị hư thai số tiền bao nhiêu. Tuy nhiên sự việc xảy ra không tiến đến hôn nhân của chị Ch và anh T là lỗi do gia đình bà Kh và gia đình ông Th, cũng như tại phiên tòa bà Kh trình bày do chị Ch bị hư thai, nên bà Kh không muốn đám cưới nên và làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết buộc ông Th, chị Ch lại số tài sản này. Do đó tại phiên tòa ông C yêu cầu ông Th liên đới với chị Ch trả lại 1 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 24kra, 1 chiếc lắc 3 chỉ vàng 24kra và 1 chiếc nhẫn 5 phân vàng 24kra là không phù hợp, bởi bà Kh thừa nhận tài sản này gia đình bà cho chị Ch trong ngày lễ hỏi để chuẩn bị đám cưới, cũng như bà Kh trình bày trong ngày lễ hỏi số tài sản này cháu Ch nhận và anh T đeo nhẫn cưới cho chị Ch.

C đối với chị Ch thừa nhận có nhận số vàng trên như lời trình bày của ông C, nhưng số vàng này chị đã bán chi cho việc điều trị bệnh và bồi dưỡng sức khỏe khi bị hư thai theo như bản tự khai và biên bản hòa giải của Tòa án. Tuy nhiên theo nhận định trên do ông Th có lỗi, nên chị Ch cũng phải chịu một phần nghĩa vụ, vì vậy chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Ch có nghĩa vụ trả lại ông M, bà Kh giá trị bằng 1/2 sợi dây chuyền, 1/2 chiếc lắc và 02 phân 05 ly vàng 24kra, tổng cộng là 4 chỉ 2 phân 5 ly vàng

24kra. Và đối với bà Kh, ông M cũng có lỗi trong vụ việc này nên phải chịu 1/2 giá trị sợi dây chuyền, 1/2 chiếc lắc và 2 phân 5 ly vàng 24kra là 4 chỉ 2 phần 5 ly vàng 24kra là phù hợp.

Đối với 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, tại phiên tòa ông C không yêu cầu ông Th, chị Ch trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền 5.000.000 đồng tiền nạp tài, tại phiên tòa ông C yêu cầu ông Th, chị Ch có nghĩa vụ trả lại. Xét thấy đối với số tiền này tuy trong ngày lễ hỏi bên nhà trai tức gia đình bà Kh, ông M có cho nhà gái cụ thể là chị Ch 5.000.000đồng, còn ông Th thừa nhận có nhưng số tiền này chị Ch nhận nên ông không có nhận, cũng như chị Ch trình bày tại biên bản hòa giải ngày19/3/2020 chị thừa nhận có nhận số tiền 5.000.000đồng để mua sắm quần áo và mền mùng để chuẩn bị cho ngày đám cưới phù hợp. Bởi từ ngày đám hỏi của chị Ch với anh T là ngày 21/01/2019 âm lịch đến ngày đám cưới ngày mùng 05,06/11/2019 âm lịch thời gian ngắn nên cần phải mua sắm kịp thời, ngoài ra về phong tục tập quán trong lễ hỏi số tiền này là cho con dâu tức chị Ch để mua sắm quần áo chuẩn bị cho ngày cưới, nên chị Ch giữ và sử dụng số tiền này là phù hợp, từ đó không chấp nhận yêu cầu đòi lại 5.000.000đồng của bà Kh, ông M và anh T phù hợp.

Về giá vàng 01 chỉ vàng 24k giá 4.725.000đồng/ 01 chỉ vàng để tính tiền án phí.

[3]Về án phí: chị Ch có nghĩa vụ trả lại 01 phần tài sản, nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch; ông M, bà Kh bị bác 01 phần yêu cầu tài sản, nên phải chịu án theo quy định của pháp luật.

VÌ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 166 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Kh, ông Võ Văn M đòi lại vàng ; Bác 01 phần yêu cầu của bà Kh, ông M đòi lại vàng và số tiền.

1.Buộc chị Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ trả cho ông M, bà Kh 04 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24k.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 1.004.063 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Kh phải chịu 1.254.063đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 1.151.000đồng tạm ứng án đã nộp phí theo biên lai số 0000796 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên ông M và bà Kh còn phải nộp tiếp 103.063đồng án phí dân sự

sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Kh, bị đơn ông Nguyễn Văn Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ch vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long An*;
-*VKSND huyện T;*
-*Chi cục THADS huyện T;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng